

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 881/2026/DS-PT
Ngày: 31-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mạc Thị Chiên**
Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Minh Trang**
Ông **Trần Nam Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Đoàn Thiên Giang** – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông **Trần Thanh Vũ** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27, 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 923/2026/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2026/DS-ST ngày 29/04/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1007/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 943/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Châu Thủy N**, sinh ngày 13/12/1982. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: số A T, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Trọng P**, sinh ngày 09/02/1996. (*Có mặt*)

Địa chỉ: B T, phường C, thành phố Cần Thơ.

(*Theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/7/2026*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Võ Thu T**, Công ty L. Địa chỉ liên hệ: B T, phường C, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh ngày 09/01/1965. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số A P, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện ủy quyền cho bị đơn theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/12/2025: Bà **Nguyễn Ngọc S1**. *(Có mặt)*

Địa chỉ liên hệ: Số A C, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Võ Hồ Thế P1**, Công ty L1. Địa chỉ: Số G đường A, KDC D, phường H, thành phố Cần Thơ. *(Có mặt)*

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà **Châu Thủy N**, bị đơn bà **Nguyễn Thị S**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – trình bày:* Trước đây, nguyên đơn và bà Nguyễn Thị S có mối quan hệ là bạn bè, quen biết lâu năm. Do đó, có mối quan hệ thân thiết nên nguyên đơn có vay mượn tiền bà S vào ngày 23/12/2020, ngày 25/12/2020 là 15.000.000 đồng (và ngày 21/01/2021 là 15.000.000 đồng thể hiện tại hình ảnh Zalo. Tổng nợ vay là 30.000.000 đồng và bên cạnh đó, nguyên đơn cũng có cho bà S vay tiền nhiều lần với lãi suất 10%/năm.

Từ năm 2021 đến ngày 27/9/2023 (khoảng thời gian này) vì công việc bận rộn, chăm sóc người thân bị bệnh và lòng tin đối với bạn bè nên nguyên đơn không biết việc mình đã trả đủ khoản nợ và khoản tiền cho bà S vay khi không kiểm tra lại số tiền đã chuyển trả nợ cho bà S và cho bà S vay (thể hiện tại chứng từ giao dịch, sổ phụ chuyển tiền của nguyên đơn tại Ngân hàng N1 (A) chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị S từ ngày 06/01/2021 đến ngày 27/9/2023 là 6.689.866.996 đồng. Trong đó, từ ngày 06/01/2021 đến ngày 27/9/2023, số tiền chuyển trả nợ dư là 1.022.900.000 đồng, đã trừ 30.000.000 đồng tiền nợ vay thể hiện nội dung: “C1 chuyển khoản tra son”,... thể hiện rõ tại Bảng chiết tính giao dịch trả nợ dư (01) và số tiền nguyên đơn cho vay là 5.636.966.996 đồng thể hiện nội dung: “C1 chuyển khoản” thể hiện rõ tại Bảng chiết tính giao dịch cho vay tiền (02) từ số tài khoản của nguyên đơn 1800205301395 chuyển tiền vào tài khoản số 1808205044236 của bà Nguyễn Thị S mở tại Ngân hàng A, do nguyên đơn cung cấp. Khi nguyên đơn phát hiện việc chuyển trả nợ dư và cập nhật tình hình như trên từ Ngân hàng A đối với bà S. Do đó, nguyên đơn có liên hệ bà S để yêu cầu trả lại số tiền chuyển trả nợ

đư và số tiền nguyên đơn cho vay 6.659.866.996 đồng cho nguyên đơn. Nhưng phía bà S vẫn không liên hệ lại, không có thiện chí, động thái nào để trả lại tiền cho nguyên đơn.

Đến nay, số tiền chuyển trả nợ đư và tiền nguyên đơn cho vay là 6.659.866.996 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi cho vay (10%/năm), tạm tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày khởi kiện 24/11/2025 là 02 năm, 01 tháng, 27 ngày với số tiền 1.437.363.796 đồng, tổng số tiền bà S phải trả lại cho nguyên đơn là 8.097.230.792 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S trả lại số tiền chuyển trả nợ đư và số tiền nguyên đơn cho vay, lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, cho vay tiền là 8.097.230.792 đồng cho bà Châu Thủy N, trong đó:

Số tiền chuyển trả nợ đư và nguyên đơn cho vay tiền là 6.659.866.996 đồng.

Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi cho vay tiền (10%/năm), tạm tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày khởi kiện 24/11/2025 là 02 năm, 01 tháng, 27 ngày với số tiền 1.437.363.796 đồng.

Vấn đề trên thể hiện rõ tại Văn bản làm rõ Đơn khởi kiện ngày 24/11/2025 đề ngày 31/12/2025 của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu được tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm và tính tiếp đến ngày trả xong. Nay thấy quyền lợi bị ảnh hưởng nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị S trả lại số tiền chuyển trả nợ đư, chuyển đư (chuyển tiền) và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 8.097.230.792 đồng cho bà Châu Thủy N, trong đó: Số tiền chuyển trả nợ đư, chuyển đư là 6.659.866.996 đồng. Số tiền lãi (10%/năm) do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, tạm tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày khởi kiện 24/11/2025 là 02 năm, 01 tháng, 27 ngày với số tiền 1.437.363.796 đồng. Tiền lãi được tính đến thời điểm làm Đơn khởi kiện và tiếp tục được tính đến ngày xét xử sơ thẩm, đến ngày trả xong. Mức lãi suất yêu cầu được giải quyết, được tính theo mức lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn Tòa án xem xét giải quyết bổ sung yêu cầu được cản trừ nghĩa vụ tài sản giữa nguyên đơn và bà S đối với số tiền 1.004.885.890 đồng vào số tiền 8.097.230.792 đồng nguyên đơn đang yêu cầu khởi kiện mà các bên có nghĩa vụ

thanh toán cho nhau, nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan, đúng pháp luật và hạn chế phát sinh tranh chấp.

** Phân trình bày của bị đơn – bà Nguyễn Thị S:*

Vào khoảng tháng 6/2006, bà Châu Thủy N xin vào học việc kế toán bán hàng dưới sự hướng dẫn của chị dâu là Lục Mỹ D đang làm kế toán cho Công ty TNHH M do bà Nguyễn Thị S làm giám đốc. Tháng 11/2006 bà D nghỉ hộ sản, bà nhận bà Châu Thủy N vào làm và giúp đỡ cho bà N vừa đi làm và đi học kế toán. Đến năm 2009, bà giới thiệu bà N đi làm kế toán báo cáo thuế chỗ bạn của bà là bà D1. Sau 4 năm làm thuê bà N tự mở được Đại lý báo cáo thuế và làm kế toán báo thuế. Bà đã giúp đỡ bà N trong quá trình lập nghiệp, làm ăn, bà chính là ân nhân của bà N. Đến năm 2021, bà N mua đất bằng vốn vay ngân hàng nên không đủ tiền trả cho Ngân hàng hàng tháng nên có vay mượn của nhiều người. Thời điểm năm 2021, bà Châu Thủy N có hỏi mượn tiền của bà để trang trải nợ, do thân thiết nhau bà có cho bà N mượn tiền để trang trải nợ, bà khi đưa tiền mặt, khi chuyển khoản cho bà N và có hỏi người khác mượn tiền dùm bà N. Thời gian vay mượn từ năm 2021 đến năm 2023 giữa bà và bà N có sử dụng tài khoản nhiều ngân hàng như A, E, V, A, Quốc tế... để chuyển khoản tiền qua lại; bà chuyển tiền cho bà N mượn, bà N chuyển khoản trả tiền lại cho bà. Nhưng đến ngày 24/10/2023, bà và bà N cùng kết sổ lại số tiền vay mượn từ năm 2021 đến 24/10/2023 thì bà N còn thiếu lại là 1.003.000.000 đồng và bà N có viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ cho bà. Nhưng bà N không trả được và bà N còn thiếu nợ nhiều người,... Bà yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N cứ hẹn lần không trả, thấy bà N không có thiện chí trả nợ cho mình nên bà khởi kiện đòi lại số tiền thiếu và lãi vay. Vụ án đã được giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều có Bản án sơ thẩm số 125/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có Bản án phúc thẩm số 632/2025/DS-PT ngày 29/09/2025. Nay bà Châu Thủy N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 6.689.866.996 đồng từ ngày 06/01/2021 đến ngày 27/9/2023, cho rằng bà chuyển cho bà N vay 30.000.000 đồng và chuyển trả dư nợ cho bà, đồng thời cho bà vay. Điều này thật sự vô lý, không đúng sự thật, bà xin có ý kiến như sau:

Về thời gian: từ 05/01/2021 đến ngày 27/9/2023 nguyên đơn lấy mốc thời gian này cho rằng đã chuyển 6.689.866.996 đồng chưa bao gồm lãi vào tài khoản cho bà S tại ngân hàng A, trong khi ngày 24/10/2023 bà S và bà N đã cùng chốt nợ và bà N đã ghi giấy vay tiền và cam kết trả nợ, trong giấy vay tiền và cam kết trả

nợ có ghi rõ: “bà có vay của Nguyễn Thị S từ 01/2021 đến nay đã trả còn lại đến 24/10/2023 số tiền là 1.003.000.000 đồng chưa tính lãi”. Cho thấy bà S và bà N đã cùng chốt nợ tại thời điểm từ 01/2021 đến 24/10/2023, tất cả nợ gồm chuyển khoản qua các tài khoản ngân hàng và tiền mặt đến ngày này đều được chốt nợ, kể cả tiền chuyển khoản qua ngân hàng A đều được đối chiếu chốt vào ngày 24/10/2023. Nay bà N lấy tiền bà N chuyển khoản trả nợ cho bà S khoản tiền này đã được tính vào ngày 24/10/2023 khởi kiện cho rằng đã cho bà S vay, khởi kiện này là không đúng.

Nguyên đơn bà N cho rằng đã vay mượn của bà S 30.000.000 đồng nhưng chuyển trả nợ dư cho bà S 1.022.900.000 đồng, điều này thật vô lý làm gì có việc cho vay 30.000.000 đồng mà chuyển trả dư đến 1.022.900.000 mà bà N không biết, bà N thiếu tiền đóng Ngân hàng mỗi tháng phải vay chạy mượn nợ khắp nơi mà làm gì có việc chuyển dư tiền tỷ mà không biết, khi chuyển dư thì bà N đã nhận ra và đã đòi lại liền làm gì để dư đến 03 năm nay mới khởi kiện đòi. Bản thân bà S nhận tiền chuyển dư cũng không được bà N báo cho biết.

Đối với số tiền 5.636.966.996 đồng bà N cho rằng đã chuyển khoản cho bà S vay là không đúng. Đây là số tiền bà N chuyển trả tiền vay cho bà S, do bà N chuyển khoản không ghi nội dung nay khởi kiện nói rằng số tiền này là bà N cho bà S vay là không đúng, trong khi tất cả khoản nợ hai bên bà S và bà N đã kết nợ ngày 24/10/2023 mà Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã giải quyết xong. Bà không mượn nợ bà N. Một lần nữa bà Nguyễn Thị S xin khẳng định việc vay tiền, chuyển tiền qua lại bằng tài khoản các ngân hàng để trả nợ đã được bà và bà Châu Thủy N cùng kết lại vào ngày 24/10/2023 và đã được Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà xin nộp cho Tòa một số chứng cứ bà C Thủy Ngân nhắn tin qua Z mượn tiền bà liên tục mỗi tháng để đóng lãi Ngân hàng và trả nợ người khác, để chứng minh việc vay mượn tiền của bà Châu Thủy N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2026/DS-ST ngày 29/04/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thủy N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà C Thủy Ngân tổng số tiền nợ: 8.108.820.115 đồng. Trong đó: nợ gốc 6.659.866.996 đồng (Sáu tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/4/2026 với số tiền là

1.449.953.119 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, một trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận việc yêu cầu nguyên đơn bà Châu Thủy N về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị S trả tiền lãi với số tiền 273.044.147 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm bốn mươi bảy đồng) trên số tiền 1.022.900.000 đồng (Một tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng) tính từ ngày 28/09/2023 đến ngày 23/04/2026 với lãi suất 10%/năm.

Ngoài ra bản án có tuyên về quyền kháng cáo, chi phí tố tụng và tiền án phí.

Ngày 12/05/2026, nguyên đơn bà Châu Thủy N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 276/2026/DS-ST ngày 29/04/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ. Bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả phần lãi suất đối với số tiền chuyển trả nợ dư, tương ứng với số tiền 273.044.147 đồng.

Ngày 13/05/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị S ngày 13/05/2026 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 276/2026/DS-ST ngày 29/04/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ. Bị đơn bà Nguyễn Thị S yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 276/2026/DS-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ do vi phạm tố tụng nghiêm trọng. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các chứng cứ mà bị đơn cung cấp là phù hợp thì yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Ông Trần Trọng P trình bày: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán phần tiền lãi cho nguyên đơn đối với số tiền 1.022.000.000 đồng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Ngọc S1 trình bày: Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 8.372.864.262 đồng thì đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm của

Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã giải quyết xong tranh chấp của các bên nên nay nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn không đồng ý. Bà N mượn của bà S rất nhiều lần, có làm biên nhận nhưng khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán xong đã hủy biên nhận chỉ còn bản cam kết nợ bằng biên nhận nợ ngày 24/10/2023 bà N còn nợ bà S 1.003.000.000 đồng đã được giải quyết xong. Đề nghị xem xét lại đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện có phù hợp với quy định của pháp luật không. Nguyên đơn tách số tiền ra làm hai khoản cho vay qua tin nhắn và chuyển trả nhằm là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm đối chiếu hai tài khoản nợ là không phù hợp với chứng cứ mà bị đơn đã đưa ra. Đề nghị xem xét các chứng cứ mà bị đơn cung cấp nếu phù hợp thì bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc cấp sơ thẩm tính lãi là chưa phù hợp. Vay không thỏa thuận lãi suất thì chỉ tính lãi từ thời điểm phát sinh tranh chấp, trong vụ việc này chưa chứng minh được có hợp đồng vay nhưng cấp sơ thẩm tính lãi từ khi bà N chuyển khoản lần cuối để buộc bị đơn phải thanh toán là không phù hợp. Do đó, bà S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Luật sư Võ Thu T phát biểu quan điểm bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Về nội dung nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S trả lại số tiền chuyển trả nợ dư và số tiền bà N cho vay, lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, cho vay, tổng số tiền là 8.372.864.262 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, đặc biệt là sao kê ngân hàng và các chứng từ chuyển tiền, có thể khẳng định rằng việc chuyển tiền từ bà C Thủy Ngân sang bà Nguyễn Thị S đã xảy ra trên thực tế. Các giao dịch này thể hiện rõ ràng về thời gian, số tiền, tài khoản chuyển và tài khoản nhận (Bảng chiết tính 01 và 02).

Do có mối quan hệ thân thiết nên bà N có vay mượn tiền bà S vào ngày 23/12/2020, ngày 25/12/2020 là 15.000.000 đồng và ngày 21/01/2021 là 15.000.000 đồng (thể hiện tại hình ảnh Zalo). Tổng nợ vay là 30.000.000 đồng và bà N cũng có cho bà S vay tiền nhiều lần với lãi suất 10%/năm.

Đối với số tiền cho vay là 5.636.966.996 đồng, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ chứng từ giao dịch, sổ phụ chuyển tiền tại Ngân hàng A và các tài liệu, chứng cứ liên quan để chứng minh việc chuyển tiền thực tế (chưa bao gồm lãi)

vào tài khoản của bà S từ ngày 06/01/2021 đến ngày 27/9/2023 được thể hiện rõ tại bảng chiết tính cho vay nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án.

Từ năm 2021 đến ngày 27/9/2023, vì công việc bận rộn, chăm sóc người thân bị bệnh và lòng tin đối với bạn bè nên bà N không biết việc mình đã trả đủ khoản nợ và khoản tiền cho bà S vay khi không kiểm tra lại số tiền đã chuyển trả nợ cho bà S dư thành 1.052.000.000 đồng. Sau khi phát hiện chuyển dư tiền bà N có liên lạc với bà S nhiều lần để yêu cầu trả tiền nợ vay và tiền bà N chuyển dư nhưng bà S không thực hiện.

Về việc giao nhận tài sản: Toàn bộ sổ phụ ngân hàng và sao kê chi tiết đã chứng minh việc bà N giải ngân đúng theo yêu cầu trong tin nhắn Zalo và liên quan khác.

Đối với yêu cầu tính lãi do chậm trả và lãi vay số tiền 1.712.997.266 đồng Đến nay, phía bị đơn không trả cho bà N bất kỳ khoản lãi nào. Do đó, số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi cho vay tiền (10%/năm), tạm tính từ ngày 28/9/2023 đến ngày xét xử 23/04/2026 là 02 năm, 6 tháng 26 ngày - tổng cộng: 938 ngày là 1.712.997.266 đồng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Bị đơn cho rằng tranh chấp đã được giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 632/2025/DS-PT ngày 29/09/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ vì bản án này chỉ giải quyết một vấn đề khác, một tài khoản khác, hoàn toàn không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó trong khi yêu cầu hiện tại của bà N là đòi lại khoản tiền khác từ nhiều giao dịch độc lập, kéo dài nhiều năm và chưa từng được xem xét tại vụ án trước đó. Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 24/10/2023 mà phía bị đơn cung cấp là của vụ án khác, không thể dùng giao dịch này để phủ nhận nghĩa vụ hoàn trả đối với các khoản tiền khác đã được chuyển. Nói cách khác, đây là hai quan hệ pháp lý khác nhau và phải được xem xét một cách độc lập.

Luật sư phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Bản chất số tiền nguyên đơn đang yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn chính là 6.689.866.996 đồng mà nguyên đơn đã vay của bị đơn. Nguyên đơn đã chuyển khoản trả cho bị đơn trong khoảng thời gian năm 2021-2023. Nay nguyên đơn sử dụng các sao kê tài khoản số tiền này để tách ra thành 2 khoản cho rằng bị đơn vay 5.636.966.996 đồng và chuyển dư 1.022.900.000 đồng trong khi nguyên đơn nợ bị đơn chỉ có 30.000.000 đồng là không đúng sự thật. Bởi vì, trong vụ án

tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ giải quyết vào ngày 03/6/2025: bà S kiện bà N đòi gốc và lãi của khoản vay 1.003.000.000 đồng mà bà N đã vay của bà S. Trong vụ án này: Ngày 18/4/2025, bà N có đơn phản tố, tại đơn phản tố bà N thừa nhận trong khoảng thời gian từ năm 2021-2023, bà N có vay của bà S 6.919.857.999 đồng nên số tiền 6.689.866.996 đồng là bà N trả nợ cho bà S bằng hình thức chuyển khoản cho bà S. Tại bản án sơ thẩm số 125/2025/DSST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cần Thơ và Bản án phúc thẩm số 632/2025/DS-PT ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bà N đều thừa nhận và được ghi vào 02 bản án này: “Tại phiên Tòa phía bị đơn (bà N) thừa nhận trong khoảng thời gian từ năm 2021-2023, bà N có vay của bà S: 6.919.857.999 đồng và bà N đã trả cho bà S được 6.689.866.996 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho bà S trong khoảng thời gian từ năm 2021-2023”. Hơn nữa, trong thời gian năm 2021-2023 bà S có chuyển khoản cho bà N vay số tiền 5.629.574.289 đồng nhưng số tiền này cũng không được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá. Nguyên đơn khởi kiện đòi gốc lãi của khoản tiền (5.636.966.996 đồng và 1.022.900.000 đồng) nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nên nguyên đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được cho yêu cầu của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nếu thấy cần thiết, Tòa án cấp phúc thẩm có thể hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm không triệu tập Công ty TNHH MTV M Mới là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vì trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có trình bày: Số tiền 65.000.000 đồng nguyên đơn chuyển khoản ngày 06/01/2021 từ tài khoản Ngân hàng A cho bị đơn: Số tiền này bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn từ tài khoản 150814851021364 Công ty TNHH M vào ngày 06/01/2021 do bị đơn ứng trước thanh toán tiền cá giống cho nguyên đơn, nguyên đơn không có cá nên chuyển trả cho bị đơn vào tài khoản tại Ngân hàng A. Số tiền này bị đơn cho nguyên đơn mượn, bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn mượn từ tài khoản 150814851021364 Công ty TNHH M vào ngày 12/10/2020 số tiền 37.013.200 đồng, ngày 14/10/2020 số tiền 42.013.200 đồng và đưa thêm tiền mặt 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 94.000.000 đồng, nguyên đơn chuyển trả lại ngày 06/01/2021 vào tài khoản của bị đơn tại ngân hàng A.

Việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng số tiền nguyên đơn đang yêu cầu Tòa án giải

quyết đã được Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ và Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xong nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ vụ án này ở 2 cấp xét xử mà chỉ dựa vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Thủy N yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Việc vay nợ giữa bà N và bà S đã được giải quyết tại Tại bản án sơ thẩm số 125/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là khu vực 1 - Cần Thơ) và Bản án phúc thẩm số 632/2025/DS-PT ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Trong khoảng thời gian bà N khai hai bên có vay nợ từ năm 2021 đến 2023 thì đã được chốt nợ bằng bản cam kết nhận nợ vào ngày 24/10/2023. Đối với các hóa đơn chuyển khoản của bà N cho bà S được bà N cung cấp không có nội dung chuyển nên không xác định đây là khoản tiền bà N cho bà S nên không có căn cứ để chấp nhận. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào những chứng cứ này chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Châu Thủy N, bị đơn bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn, bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Thủy N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả phần lãi suất đối với số tiền chuyển trả nợ dư, tương ứng với số tiền 273.044.147 đồng. Xét thấy, đối với phần tiền này cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Bởi thực tế, bị đơn không hỏi vay số tiền gốc là 1.022.900.000 đồng mà đây là số tiền nguyên đơn chuyển nhằm cho bị đơn, nguyên đơn đã thừa nhận điều này nên không cần phải chứng minh. Việc nguyên đơn tự chuyển nhằm tiền cho bị đơn không phải là thỏa thuận vay mượn nên bị đơn không có trách nhiệm phải trả lãi cho nguyên đơn từ khi nguyên đơn chuyển nhằm. Phần lãi chỉ được tính từ khi bắt đầu phát sinh tranh chấp do đó phần kháng cáo này của nguyên đơn không được chấp nhận toàn bộ mà được tính một phần được tính chung với tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S: Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng nghiêm trọng. Nếu thấy không cần phải hủy thì đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2.1] Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc xác định quan hệ pháp lý và phạm vi vụ kiện do quan hệ vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 125/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ và Bản án phúc thẩm số 632/2025/DS-PT ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, qua đối chiếu giữa hai khoản tiền có giá trị tiền hoàn toàn khác nhau. Trong vụ kiện trên, các đương sự chốt nợ bằng bản cam kết nhận nợ ngày 24/10/2023 xác nhận bà N nợ bà S 1.003.000.000 đồng, không xác định được khoản biên nhận xác định nêu trên là biên nhận nợ cụ thể có qua chuyển khoản ngân hàng hay không. Trong khi đó, số tiền được giải quyết trong vụ án này được xác nhận thông qua các lần chuyển khoản tại ngân hàng và tư cách tham gia tố tụng của các bên là khác nhau.

Qua đối chiếu với các tài liệu chứng cứ mà các bên cung cấp, số tiền mà các bên chuyển qua lại nhiều lần, bằng những tài khoản khác nhau. Có những khoản bà N chuyển có ghi rõ nội dung trả nợ cho bà S. Riêng đối với các chứng từ sổ phụ sao kê tại ngân hàng, nguyên đơn cung cấp yêu cầu bị đơn trả nợ không ghi rõ nội dung chuyển cụ thể nhưng bị đơn không chứng minh được đây là số tiền bà N trả nợ theo khoản nợ vay nào nên có căn cứ xác định đây là số tiền bị đơn chiếm hữu

không có căn cứ pháp luật. Tại vụ án trước chỉ căn cứ vào tờ thỏa thuận chốt nợ, tuy nhiên không xác định các khoản nợ nào và cũng thời điểm đó, bà N là bị đơn đã có yêu cầu phản tố để đòi lại số tiền 6.689.866.996 đồng nêu trên. Tuy nhiên, sau đó bà N rút lại yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định do thời điểm đó nguyên đơn phải lo việc gia đình nên chưa có điều kiện để nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền lớn nên rút lại phản tố. Như vậy, đối với khoản tiền này chưa được xem xét giải quyết ở vụ án trước nên không có căn cứ để xác định vụ kiện đã được giải quyết bằng bản án khác.

[2.2.2] Việc bị đơn cho rằng việc bà N khởi kiện nội dung khởi kiện thay đổi liên tục nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận vì nó không phù hợp. Theo quy định của pháp luật thì nguyên đơn có quyền thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện trong quá trình tố tụng, đảm bảo không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, việc bị đơn đặt vấn đề về việc nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện để bác bỏ nội dung khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp.

[2.2.3] Việc cấp sơ thẩm không xem xét đối chiếu số tiền bị đơn chuyển ngược lại cho nguyên đơn: Việc chuyển khoản và chứng minh việc chuyển khoản là của bị đơn, bị đơn cung cấp các tin nhắn qua zalo tại phiên tòa sơ thẩm nhưng không gửi được kèm giấy chuyển tiền tại ngân hàng và cũng không yêu cầu giải quyết về số tiền cụ thể. Phạm vi Tòa án cấp phúc thẩm chỉ giải quyết các vấn đề mà đương sự yêu cầu, trong vụ kiện này, bị đơn không có đơn phản tố yêu cầu xem xét khi nhận được thông báo thụ lý vụ án để yêu cầu được cản trở nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm vẫn xác định đối với phần bị đơn xác định có chuyển tiền cho nguyên đơn như bị đơn trình bày sẽ được xem xét bằng vụ kiện khác khi bị đơn có chứng cứ chứng minh và có yêu cầu. Như vậy, về mặt quyền lợi của bị đơn vẫn được bảo đảm.

[2.2.4] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M Mới vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét thấy, Công ty TNHH M Mới do bị đơn làm giám đốc công ty có quan hệ mua cá giống và thức ăn cho cá với bà N là quan hệ khác. Qua hồ sơ thể hiện bên Công ty TNHH M có chuyển cho bà N số tiền trên 19 tỷ đồng nhưng là chuyển trả tiền mua cá giống. Việc chứng minh Công ty có liên quan trong vụ vay mượn là của bị đơn nhưng đối chiếu với chứng từ mà bị đơn cung cấp thì số tiền không khớp nên cũng không có căn cứ để xem xét. Ngoài ra, bị đơn cung cấp những tin nhắn qua zalo

thể hiện có việc bà N vay tiền của bà S, nhưng không có đối chiếu cụ thể số tiền có khớp theo tin nhắn hay không. Việc chuyển khoản theo từng thời gian, số tiền cụ thể theo từng lần chuyển khoản, số tiền này bị đơn chưa chứng minh được đã giải quyết hay chưa, chưa được cấp sơ thẩm xem xét đánh giá nên trong phạm vi cấp phúc thẩm không xem xét phần này.

[2.3] Đối với khoản tiền mà cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn về mặt bản chất nguyên đơn đã chứng minh được có việc chuyển khoản, bị đơn phản đối cho rằng nguyên đơn trả nợ cho các khoản vay mà nguyên đơn đã vay của bị đơn nhưng đến thời điểm này bị đơn chưa chứng minh được nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Mặt khác, đối chiếu các lần chuyển khoản để trả nợ cho bà S, bà N có ghi chú cụ thể chuyển trả nợ, chuyển mua thức ăn cho cá những lần chuyển khoản đó đã được nguyên đơn tách ra không tính chung trong số tiền để yêu cầu trong vụ án này.

[2.4] Đại diện bị đơn khẳng định: “Phía bị đơn có nhận chuyển khoản từ nguyên đơn nhưng nội dung chỉ ghi là chuyển khoản chứ không có ghi là cho vay mượn nên nay khởi kiện là không phù hợp”. Lời khẳng định này là không có cơ sở, bởi trên thực tế, dù được người khác chuyển tiền đến tài khoản của mình mà không ghi nội dung, mình chiếm dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho người chủ sở hữu tài sản. Trong vụ việc này bà N đã chứng minh được việc chuyển tiền cho bà S, bà S cho rằng N trả nợ nhưng cũng không chứng minh được. Về phía nguyên đơn không chứng minh được đó là khoản tiền cho vay, bị đơn thừa nhận có nhận tiền nhưng không thừa nhận có thỏa thuận vay số tiền này nên không có căn cứ để xác định đây là khoản tiền mà hai bên thỏa thuận vay. Do đó, số tiền mà nguyên đơn chuyển khoản vào tài khoản của bị đơn chỉ được xác định là bị đơn đang chiếm hữu tiền của nguyên đơn không có căn cứ pháp luật nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền mà nguyên đơn đã chuyển tổng cộng là 6.659.866.996 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[2.5] Đối với phần yêu cầu tính lãi: Do không chứng minh được các bên có thỏa thuận vay nên việc tính lãi chỉ được tính từ thời điểm phát sinh tranh chấp là thời điểm nguyên đơn đi khởi kiện. Như phân tích ở trên, phía nguyên đơn chưa chứng minh được có thỏa thuận vay có lãi nên không có cơ sở để tính lãi như bản án sơ thẩm đã tính. Nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận qua zalo của bà N nhưng số tiền tính theo zalo thể hiện số tiền bà S hỏi vay bà N chỉ có trên 600.000.000

đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi. Cụ thể, ngày 24/11/2025 nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền gốc 6.659.866.996 đồng như trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/04/2026 tổng cộng là 5 tháng 05 ngày, lãi suất theo quy định là 10%. Do vậy số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 277.494.500 đồng. Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 6.946.611.400 đồng.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên xét thấy bị đơn kháng cáo có cơ sở để chấp nhận một phần, nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận phần lãi đối với khoản tiền 1.022.900.000 đồng tính từ thời điểm làm đơn khởi kiện.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên phần án phí cũng cần được điều chỉnh cho phù hợp. Nguyên đơn yêu cầu số tiền 8.372.864.262 đồng, được chấp nhận 6.946.611.369 đồng nên nguyên đơn phải chịu án phí phần không được chấp nhận là 1.426.252.893 đồng tương đương 54.787.586 đồng. Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị S, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Châu Thủy N. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 276/2026/DS-ST ngày 29/04/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thủy N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Châu Thủy N tổng số tiền nợ 6.946.611.369 đồng (Sáu tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm sáu chín đồng). Trong đó: nợ gốc 6.659.866.996 đồng (Sáu tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/4/2026 với số tiền là 277.494.500 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà S được miễn án phí dân sự sơ thẩm; bà Châu Thủy N phải chịu 54.787.586 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 58.049.000 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) thì nguyên đơn được nhận lại số tiền 3.261.413 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm mười ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011465 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Châu Thủy N không phải chịu, bà N được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Châu Thủy N đã đóng theo Biên lai thu số 0009316 ngày 12 tháng 05 năm 2026 tại Thi hành án Dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/7/2026).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 3 - Cần Thơ;
- P.THADS khu vực 3 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mạc Thị Chiên